

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**  
**MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT**  
**2016**



## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
  - Số 52/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006
  - Số 120/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/02/2008 và số 337/UBCK-GPĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2010 với 3 nội dung chính : (i) Thay đổi tên Công ty; (ii) Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng; (iii) Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh (Bảo lãnh phát hành chứng khoán)
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 300.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 8 phố Thiên Quang, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại: +84 4 3942 9775
- Số fax: +84 4 3942 9776
- Website: [www.msgs.com.vn](http://www.msgs.com.vn)

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hướng Việt, chính thức được thành lập vào ngày 29/12/2006 theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 52/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty có trụ sở đặt tại Số 8, Phố Thiên Quang, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Năm 2008 đánh dấu một bước ngoặt lớn trong sự phát triển của Công ty với sự tham gia 49% vốn góp của Morgan Stanley. Ngày 05/02/2008 Công ty đã chính thức nhận được giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép đổi tên Công ty thành "**Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt**", mở rộng ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng. Mục tiêu hàng đầu của Công ty là tạo các cơ hội đầu tư và mang lại nguồn lợi cho khách hàng cũng như các cổ đông bằng sự tư vấn chuyên nghiệp, các giải pháp mang tính đột phá, quá trình thực hiện xuất sắc và cung cấp kênh kết nối toàn diện với thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các mốc thời gian quan trọng trong lịch sử phát triển của MSGS:

- 29/12/2006 MSGS được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 52/UBCK-GPHĐKD với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng và 4 nghiệp vụ chính: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
- 14/2/2007 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ra Quyết định số 46/QĐ-TTGDHN công nhận tư cách thành viên giao dịch.
- 14/2/2007 Được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp giấy chứng nhận thành viên Lưu ký số 53/GCNTVLK với mã thành viên lưu ký: 050.
- 28/3/2007 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM) ra quyết định số 50/QĐ-TTGDHCM công nhận tư cách thành viên giao dịch.
- 05/02/2008 Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 120/UBCK-GPĐCCTCK điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số

- 52/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006: Thay đổi tên Công ty; Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng; Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh.
- 19/11/2008 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ra Quyết định số 452/QĐ- TTGDHN chấp thuận tham gia hệ thống giao dịch từ xa thị trường niêm yết.
  - 12/03/2008 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 135/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên tham gia đầu thầu trái phiếu chính phủ tại HNX.
  - 13/01/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM chấp thuận tham gia hệ thống giao dịch trực tuyến.
  - 19/06/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 297/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên hệ thống đăng ký giao dịch của Sở GDCK Hà Nội (Giao dịch UPCOM).
  - 13/08/2009 Được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chấp thuận tham gia mạng kết nối Cổng giao tiếp điện tử.
  - 11/09/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Công văn số 1377/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên giao dịch Trái phiếu chính phủ chuyên biệt.
  - 14/09/2010 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 650/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
  - 24/11/2010 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 911/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt được tham gia giao dịch trực tuyến thị trường đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
  - 11/06/2012 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 427/TB-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt được trở thành thành viên của Hệ thống Quản lý Thông tin Công ty (CIMS).
  - 05/09/2013 Thiết lập kết nối Ngân hàng với BIDV nhằm quản lý tách biệt tiền gửi để giao dịch chứng khoán của khách hàng, đáp ứng yêu cầu của Thông tư 210/2012/TT-BTC
  - 27/12/2014 Cập nhật và thử nghiệm hệ thống giao dịch nhằm chuẩn bị cho giao dịch các sản phẩm mới: ETF, Hợp đồng tương lai trái phiếu... theo yêu cầu của hai Sở.
  - 15/1/2015 Cập nhật và thử nghiệm hệ thống giao dịch nhằm triển khai gia nhập Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công ty chứng khoán theo yêu cầu của Ủy ban.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

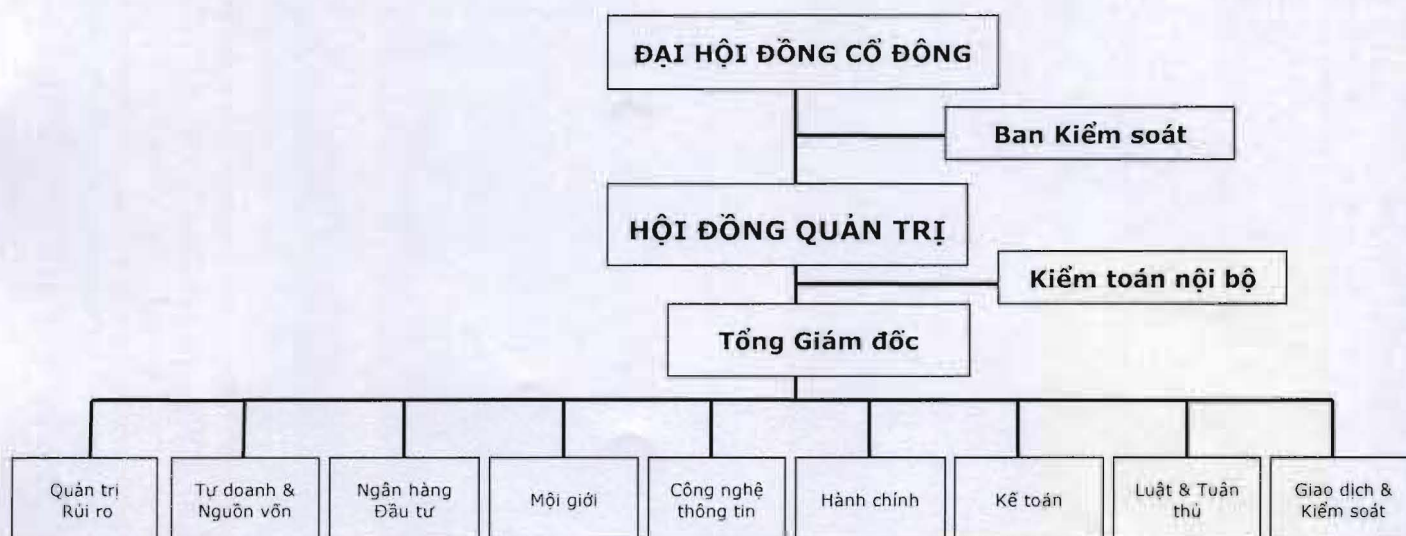
- Ngành nghề kinh doanh: Công ty được phép hoạt động các ngành nghề sau: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Bảo lãnh phát hành và Tư vấn đầu tư, tài chính, trong đó mảng Tư vấn đầu tư được chú trọng phát triển.

- Địa bàn kinh doanh: Không hạn chế địa bàn, phụ thuộc vào địa bàn của đối tác kinh doanh.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Hiện tại Công ty không thành lập công ty con và cũng không góp vốn vào bất kì công ty liên kết nào.

Cơ cấu bộ máy quản lý:



### 5. Định hướng phát triển

Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, cũng như theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, ban lãnh đạo MSGS luôn tập trung vào việc nâng cao và phát triển những yếu tố nội tại bằng cách tập trung đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên và phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ cho các khách hàng.

Công ty xác định sứ mệnh của mình trước mắt như sau:

- ✓ Tăng cường lợi ích bền vững cho các khách hàng và các cổ đông;
- ✓ Trở thành nơi làm việc được lựa chọn hàng đầu, ngôi nhà thứ hai của các tài năng;
- ✓ Áp dụng thực tiễn quản lý tốt nhất và cách thức quản trị tiêu chuẩn quốc tế;
- ✓ Là cầu nối giữa các nhà đầu tư nước ngoài và thị trường tài chính Việt Nam; giữa các doanh nghiệp Việt Nam và thị trường vốn quốc tế.

Để hiện thực hóa sứ mệnh, Công ty sẽ tập trung phát triển các lợi thế cạnh tranh cốt lõi sau:

- ✓ Tập trung sử dụng hiệu quả các mối quan hệ và sự hỗ trợ từ các cổ đông chiến lược;
- ✓ Tập trung phát triển các dịch vụ tài chính; đặc biệt là các mảng dịch vụ tư vấn (Advisory), mua bán sáp nhập (M&As), đối tác chiến lược, phát hành và niêm yết cổ phiếu và trái phiếu ra các thị trường tài chính trong nước và quốc tế;

- ✓ Phát triển dịch vụ Môi giới cho khách hàng tổ chức nước ngoài;
- ✓ Áp dụng các quy trình và chính sách hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế;

Trong dài hạn, MSGS định hướng một số chiến lược phát triển chính như sau:

- ✓ Định hướng phát triển MSGS thành định chế tài chính đa năng;
- ✓ Từng bước tăng cường năng lực tài chính để tạo sức mạnh cạnh tranh;
- ✓ Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;
- ✓ Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tăng cường công tác quản lý rủi ro;
- ✓ Xây dựng và duy trì hình ảnh, thương hiệu MSGS;
- ✓ Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra;
- ✓ Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin.

#### *6. Các rủi ro*

Rủi ro hoạt động kinh doanh của Công ty được theo dõi và đánh giá bởi bộ phận Quản trị rủi ro hàng quý. Qua báo cáo Quản trị rủi ro, các chỉ số cũng như những nhận định về rủi ro có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty được phân tích và cập nhật kịp thời. Hiện nay, hoạt động kinh doanh của công ty vẫn được duy trì ổn định với các yếu tố rủi ro được đánh giá ở mức thấp.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### *1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Năm 2016, do sự sụt giảm của lãi suất, Công ty ghi nhận lỗ 1.536.023.055 đồng. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì được bộ máy quản lý điều hành và các bộ phận nghiệp vụ với những thành viên có năng lực chuyên môn cao.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Về nhân sự: trong năm 2016 nhân sự của Công ty giảm từ 24 nhân viên xuống còn 23 nhân viên, duy trì môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động với các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm.
- Về cơ sở vật chất: Trong năm 2016, Công ty tiếp tục duy trì và vận hành Hệ thống quản lý thông tin công ty chứng khoán theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán, đáp ứng những quy định mới trong hệ thống giám sát của HNX.
- Về kinh doanh: Thực hiện mục tiêu chiến lược là tìm kiếm cơ hội kinh doanh trong mảng Tư vấn đầu tư, mua bán sát nhập, bộ phận Tư vấn của Công ty đã tiếp tục nỗ lực mở rộng các giao dịch tiềm năng trong các ngành mới như ngành sản xuất và truyền thông.

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

- Thành phần Hội đồng Quản trị:
  - Ông Ronald Ong: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
  - Bà Tô Minh Hương: Thành viên Hội đồng Quản trị
  - Bà Nguyễn Thị Nhung: Thành viên Hội đồng Quản trị
  - Ông James Hedley Bidlake: Thành viên Hội đồng Quản trị
  
- Ban Kiểm soát
  - Ông Ravi Harish Vazirani: Thành viên Ban Kiểm soát
  - Bà Đặng Linh Giang: Thành viên Ban Kiểm soát
  - Bà Bùi Mỹ Hạnh: Thành viên Ban Kiểm soát
  
- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Điều hành

<p><b>Ronald Whatt Soon Ong</b></p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i></p> <p><i>Đại diện Morgan Stanley</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ông Ronald Whatt Soon Ong là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt.</li> <li>▪ Ông Ronald Ong hiện đang là Giám đốc điều hành, Chủ tịch và Tổng Giám đốc Morgan Stanley khu vực Đông Nam Á.</li> <li>▪ Ông Ronald Ong gia nhập tập đoàn Morgan Stanley từ năm 1995. Từ năm 1995 đến nay, Ông đã giữ nhiều vị trí quan trọng của tập đoàn Morgan Stanley như Giám đốc điều hành, trưởng bộ phận Ngân hàng Đầu tư của Morgan Stanley (Singapore) và Tổng Giám đốc của Morgan Stanley khu vực Đông Nam Á.</li> <li>▪ Ông Ronald Ong có bằng cử nhân quản trị kinh doanh của trường đại học Quốc gia Singapore.</li> </ul>
<p><b>Bà Tô Minh Hương</b></p> <p><i>Tổng Giám đốc</i></p> <p><i>Cố đồng sáng lập</i></p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đồng sáng lập viên, kiêm Tổng Giám đốc và Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGGS).</li> <li>▪ Trước khi đến với MSGGS, Bà từng là Đồng sự (Partner) và Giám đốc Đầu tư (CIO) tại Vietnam Partners LLC, phụ trách về các vấn đề về đầu tư và quản lý danh mục đầu tư từ năm 2005 đến 2007. Bà cũng là thành viên chủ chốt tham gia thành lập Công ty Quản lý Quỹ BIDV - Vietnam Partners (BVIM) và Quỹ Đầu tư Việt Nam I.</li> <li>▪ Từ năm 2003 đến 2004, Bà là Trưởng nhóm Xây dựng Mô hình Quản lý Rủi ro Tín dụng Doanh nghiệp (Dự án Basel II)- Bộ phận Quản lý Rủi ro – Ngân hàng Tây Úc, Ngân hàng Halifax Bank of Scotland Australia.</li> <li>▪ Bà cũng là Giảng viên về Tài chính tại Trường Đại học Tây Úc</li> </ul>

	<p>từ tháng 06 năm 2002 đến tháng 12 năm 2003.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Bà từng làm việc tại Bộ phận Ngân hàng Doanh nghiệp (Corporate Banking) tại Citibank N.A. – Chi nhánh Hà Nội trong thời gian từ năm 1997 – 1998 – đặc biệt liên quan đến khách hàng tổ chức, tài chính thương mại và tài chính dự án.</li> <li>▪ Bà có viết nhiều bài báo chuyên ngành được đăng tại các tạp chí quốc tế nổi tiếng như <i>Journal of Credit Risk</i>, <i>Journal of International Financial Markets, Institutions, and Money</i>, và các báo cáo tại nhiều hội thảo chuyên ngành khác.</li> </ul>
<p><b>Nguyễn Thị Nhung</b></p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p> <p><i>Đại diện Công ty Thanh Ba</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Bà Nguyễn Thị Nhung là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGS).</li> <li>▪ Bà Nhung từ năm 1994-1996 giữ nhiệm vụ Trợ lý Giám đốc tại Elysee Investissement và từ năm 1996 đến nay là Đồng sáng lập viên Công ty OPENASIA.</li> <li>▪ Bà Nhung có bằng cử nhân (Chuyên ngành Tiếng Pháp) của trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội; là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Trung tâm Quản lý &amp; Đào tạo Pháp Việt CFVG và là Thạc sĩ Quản lý Dự án Quốc tế của Trường Đại học Thương mại Paris ESCP.</li> </ul>
<p><b>James Hedley Bidlake</b></p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ông James Hedley Bidlake là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGS).</li> <li>▪ Ông James Bidlake gia nhập tập đoàn Morgan Stanley từ năm 2004 với tư cách là luật sư của bộ phận Ngân hàng Đầu tư.</li> <li>▪ Ông James Bidlake đã từng làm việc cho Toà án Tối cao của Anh Quốc và xứ Wales cũng như Toà án Dân sự Tối cao của Hồng Kông và có bằng cao học chuyên ngành luật của Đại học Luật, Guilford, Hoa Kỳ</li> </ul>

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Trong năm 2016 không có sự thay đổi nhân sự nào liên quan tới các chức danh Chủ tịch, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số nhân viên trong năm 2016 là 23 người. Các chính sách chủ yếu về nhân sự:

- **Chính sách tuyển dụng và đào tạo**

- **Chính sách tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được các nhân sự có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp làm việc tại Công ty. Tuy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các nhân sự đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công

việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập, trình độ về ngoại ngữ và tin học.

- **Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.
- **Chính sách đào tạo:** Công ty chú trọng vào việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho CBCNV thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. MSGS cũng đã gửi nhân viên đến Morgan Stanley trong các chuyến tập huấn ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ và xây dựng mạng lưới mối quan hệ.
- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**
  - **Chính sách lương:** Chính sách lương của Công ty bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. CBCNV trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo bảng cấp, khả năng và hiệu quả công việc.
  - **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên CBCNV, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.
- **Các chính sách khác**
  - **Chính sách bảo hiểm:** Toàn bộ nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chính sách về Bảo hiểm Xã hội và Bảo hiểm Y tế theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty còn tổ chức chương trình khám sức khỏe định kỳ và tham gia chương trình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và tai nạn cá nhân cho toàn thể CBCNV và người thân (bao gồm vợ, chồng, con..) được khám, chữa bệnh miễn phí trong các hệ thống bệnh viện trong nước và quốc tế.
  - **Chính sách khác:** Công ty đã hỗ trợ cán bộ nhân viên thi chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, tổ chức thăm hỏi, hiếu hỉ, tổ chức tặng quà nhân dịp sinh nhật, các ngày lễ trong năm động viên tinh thần cho CBCNV.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2016 công ty không thực hiện bất kì khoản đầu tư tài chính nào cũng như không chào bán chứng khoán để gọi vốn thực hiện dự án.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con và không góp vốn vào bất kì công ty liên kết nào.



## 4. Tình hình tài chính

## a) Tình hình tài chính

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	2015	2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	361.598.087.412	360.234.673.262	(0,38)
Doanh thu thuần	18.237.401.901	18.799.617.386	3,08
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.304.997.108)	(1.536.023.055)	17,70
Lợi nhuận khác	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	(1.304.997.108)	(1.536.023.055)	17,70
Lợi nhuận sau thuế	(1.304.997.108)	(1.536.023.055)	17,70

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2016	2015
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán nhanh:	7,46	7,59
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	194,32	215,01
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,51	0,46
+ Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	99,49	99,54
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	5,22	5,04
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(8,17)	(7,16)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,43)	(0,36)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,43)	(0,36)
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(8,17)	(7,16)

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## a) Cổ phần (Tại thời điểm lập báo cáo)

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
<b>Tổ chức</b>				
1	Morgan Stanley (Singapore) Holdings Pte. Ltd.	14.700.000	147.000.000.000	49%
2	Công ty TNHH Thanh Ba	9.300.000	93.000.000.000	31%
<b>Cá nhân</b>				
1	Bà Tô Minh Hương	6.000.000	60.000.000.000	20%
<b>Tổng cộng</b>		<b>30.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>

## b) Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông tổ chức: 80%, cổ đông cá nhân: 20%

- Cổ đông nước ngoài: 49%, cổ đông trong nước: 51%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2016 không có sự thay đổi nào về vốn chủ sở hữu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Trong năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 23 nhân viên

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Trong năm 2016, công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho người lao động, do đó người lao động được hưởng mọi quyền lợi từ các chính sách Bảo hiểm theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty cũng tổ chức khám sức khỏe tổng quát định kỳ vào cuối năm cho người lao động và tham gia chương trình Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cá nhân cho người lao động và người thân.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2016, Ban Lãnh đạo Công ty đã tiến hành các đợt huấn luyện nhằm phổ biến các quy định mới của Ủy ban Chứng khoán và các Sở có ảnh hưởng trực tiếp tới các nghiệp vụ kinh doanh cũng như bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ theo các quy định mới này.

Ngoài ra Công ty vẫn tiếp tục hỗ trợ nhân viên hoàn thành các Chứng chỉ chuyên môn, Chứng chỉ hành nghề đảm bảo cho hoạt động nghiệp vụ của các phòng ban.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2016, do sự sụt giảm của lãi suất, Công ty ghi nhận lỗ 1.536.023.055 đồng. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì được bộ máy quản lý điều hành và thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ với các cơ quan quản lý cũng như với người lao động.

Những tiến bộ công ty đã đạt được: Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành một số nhiệm vụ quan trọng như phát triển đội ngũ nhân sự, rà soát và cập nhật những quy trình nghiệp vụ trong hoạt động giao dịch môi giới, thanh toán giao dịch hàng ngày.

## 2. Tình hình tài chính

Trong năm 2016, tổng tài sản đã giảm 0.38% so với năm 2015, tổng nợ tăng 10,29% so với năm 2015.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* Trong năm 2016 Công ty không có thay đổi về cơ cấu tổ chức và các chính sách quản lý

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:* Trong năm 2017, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục:

- Tập trung phát triển dịch vụ Tư vấn
- Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin
- Đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên
- Phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ cho nhà đầu tư.
- Xây dựng và duy trì hình ảnh, thương hiệu MSGS

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):* N/a

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

Trong năm 2016, Công ty không vi phạm luật pháp và các quy định chung gây ảnh hưởng tới cộng đồng địa phương.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:*

Trong năm 2016, mặc dù có nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty nhưng toàn thể nhân viên đã nỗ lực để duy trì tốt các hoạt động kinh doanh và đảm bảo một môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Về cơ sở vật chất, Công ty đã duy trì hệ thống giao dịch ở mức ổn định, giảm thiểu rủi ro trong các giao dịch với khách hàng, đáp ứng các yêu cầu mới từ Ủy ban và các Sở giao dịch.

Công ty chấp hành nghiêm túc các chính sách về hoạt động theo yêu cầu của các cơ quan quản lý cũng như các quy định chung đảm bảo sự ổn định của cộng đồng tại địa phương.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Trong năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh của công ty ở mức ổn định, theo dõi sát sao và kịp thời các rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới các hoạt động của công ty, nhằm xây dựng và duy trì hình ảnh tích cực của Công ty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Trong năm 2017, Công ty sẽ tiếp tục tập trung kiện toàn bộ máy nhân sự và xây dựng cơ sở hạ tầng, các chính sách tuân thủ, quy trình nghiệp vụ để tạo nền móng cho sự phát triển trong tương lai.

**VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*****1. Ý kiến kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Văn phòng Hà Nội: Tầng 12A, toà nhà Vinaconex- 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà nội

Tel: +84 4 6288 3568

Fax: +84 4 62885678

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2017, từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

***Vấn đề khác***

Cuộc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành cho mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính theo luật định. Các thông tin bổ sung từ trang 25 đến trang 30 chỉ nhằm cung cấp thêm thông tin mà không phải là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính theo luật định. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập những thông tin này. Những thông tin bổ sung này không thuộc đối tượng của các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính theo luật định, và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các thông tin bổ sung này.

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)</b>	<b>100</b>		<b>359,337,832,934</b>	<b>360,496,274,566</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>357,816,660,863</b>	<b>359,111,304,957</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		468,112,030	475,464,655
1.1. Tiền	111.1	5	468,112,030	475,464,655
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	2,602,629,950	2,601,279,500
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.2	345,548,449,167	347,767,425,000
4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	116	7.4	(2,420,674,590)	(2,371,583,000)
5. Các khoản phải thu	117		11,609,084,306	10,629,658,802
5.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	7.3	11,609,084,306	10,629,658,802
5.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		11,609,084,306	10,629,658,802
6. Các khoản phải thu khác	122	7.3	9,060,000	9,060,000
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>1,521,172,071</b>	<b>1,384,969,609</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	859,200,786	842,059,324
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		507,150,000	388,089,000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		154,821,285	154,821,285
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)</b>	<b>200</b>		<b>896,840,328</b>	<b>1,101,812,846</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>270,533,074</b>	<b>483,636,047</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	171,297,280	334,022,434
- Nguyên giá	222		5,798,954,502	5,798,954,502
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(5,627,657,222)	(5,464,932,068)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	99,235,794	149,613,613
- Nguyên giá	228		3,000,968,383	3,000,968,383
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(2,901,732,589)	(2,851,354,770)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>626,307,254</b>	<b>618,176,799</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		5,000,000	7,135,280
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	12	-	24,483,880
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	13	621,307,254	586,557,639
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>360,234,673,262</b>	<b>361,598,087,412</b>

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>1,849,248,226</b>	<b>1,676,639,321</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,849,248,226</b>	<b>1,676,639,321</b>
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	8	446,608,563	412,240,324
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	9	1,170,961,953	1,037,109,505
3. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		231,677,710	227,289,492
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>358,385,425,036</b>	<b>359,921,448,091</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>358,385,425,036</b>	<b>359,921,448,091</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300,000,000,000	300,000,000,000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300,000,000,000	300,000,000,000
<i>a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>300,000,000,000</i>	<i>300,000,000,000</i>
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		3,067,491,977	3,067,491,977
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		3,067,491,976	3,067,491,976
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		52,250,441,083	53,786,464,138
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		52,250,441,083	53,786,464,138
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>360,234,673,262</b>	<b>361,598,087,412</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
<b>Số lượng chứng khoán</b>				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		30,000,000	30,000,000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		35,510	34,096
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		181	187
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
<b>Số lượng chứng khoán</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		267,056	386,570
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		267,056	386,565
<i>b. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	021.5		-	5
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		28,690	37,648
<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1		28,690	37,648
<b>Đồng Việt Nam</b>				
3. Tiền gửi của khách hàng	026		515,076,995	552,350,500
3.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		1,664,325	1,715,963
3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		513,412,670	550,634,537
<i>a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1		513,412,670	477,677,126
<i>b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài</i>	029.2		-	72,957,411
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		515,076,995	552,350,500
<i>4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.1		515,076,995	479,393,089
<i>4.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.2		-	72,957,411



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		230,461	535,055
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		-	66,800
b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		230,461	468,255
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		18,735,745,979	18,193,103,552
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		14,549,356	4,084,705
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20=01+02+06)</b>	<b>20</b>		<b>18,750,525,796</b>	<b>18,197,723,312</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		-	128,693
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1		-	128,693
2.2. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng tài sản tài chính	24		49,091,590	(121,168,200)
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		802,233,215	827,999,732
2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1,880,229	1,911,762
2.5. Chi phí các dịch vụ khác	32		20,607,514	28,713,584
<b>Cộng chi phí hoạt động (40=21+24+27+30+32)</b>	<b>40</b>	<b>15</b>	<b>873,812,548</b>	<b>737,585,571</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42		40,502,577	39,678,589
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42)</b>	<b>50</b>		<b>40,502,577</b>	<b>39,678,589</b>
<b>IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>				
<b>62</b>	<b>16</b>		<b>19,453,238,880</b>	<b>18,804,813,438</b>
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-62)</b>				
<b>70</b>			<b>(1,536,023,055)</b>	<b>(1,304,997,108)</b>
<b>VI. TỔNG (LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70)</b>				
<b>90</b>			<b>(1,536,023,055)</b>	<b>(1,304,997,108)</b>
6.1. (Lỗ) đã thực hiện	91		(1,536,023,055)	(1,304,997,108)
<b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>				
<b>100</b>			-	-
7.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	17	-	-
<b>VIII. (LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)</b>				
<b>200</b>			<b>(1,536,023,055)</b>	<b>(1,304,997,108)</b>
<b>IX. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>				
<b>300</b>			-	-
Tổng (lỗ) toàn diện	<b>400</b>		<b>(1,536,023,055)</b>	<b>(1,304,997,108)</b>
<b>X. (LỖ) THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>				
<b>500</b>			<b>(1,536,023,055)</b>	<b>(1,304,997,108)</b>
10.1.(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	501		(51)	(43)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. (Lỗ) trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>01</b>	<b>(1,536,023,055)</b>	<b>(1,304,997,108)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>	<b>02</b>	<b>(11,346,889,743)</b>	<b>(10,397,438,255)</b>
- Khấu hao TSCĐ	03	213,102,973	353,388,747
- Các khoản dự phòng	04	49,091,590	(121,168,200)
- Dự thu tiền lãi	08	(11,609,084,306)	(10,629,658,802)
<b>3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>	<b>(12,882,912,798)</b>	<b>(11,702,435,363)</b>
- Thay đổi tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	(1,350,450)	(845,300)
- Thay đổi các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	2,218,975,833	(367,425,000)
- Thay đổi các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	10,629,658,802	10,134,082,943
- Thay đổi các tài sản khác	40	(34,749,615)	(31,845,213)
- Thay đổi chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	146,302,448	114,712,760
- Thay đổi chi phí trả trước	42	7,342,418	116,463,406
- Thay đổi thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	34,368,239	(42,417,272)
- Thay đổi phải trả người lao động	48	-	(983,624,000)
- Thay đổi phải trả, phải nộp khác	50	4,388,218	(49,596,349)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	2,135,280	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(131,511,000)	(7,395,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>	<b>(7,352,625)</b>	<b>(2,820,324,388)</b>
<b>II. (Giảm) tiền thuần trong năm</b>	<b>90</b>	<b>(7,352,625)</b>	<b>(2,820,324,388)</b>
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>475,464,655</b>	<b>3,295,789,043</b>
Tiền	101.1	475,464,655	995,789,043
Các khoản tương đương tiền	101.2	-	2,300,000,000
<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>103</b>	<b>468,112,030</b>	<b>475,464,655</b>
Tiền	103.1	468,112,030	475,464,655

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	3,357,058,347	1,447,223,387
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(1,730,034,482)	(42,228,301)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	(1,912,309,099)	(1,811,655,587)
4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	248,011,729	292,097,148
<b>Giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>	<b>(37,273,505)</b>	<b>(114,563,353)</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	1,715,963	1,690,246
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	550,634,537	665,223,607
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>40</b>	<b>515,076,995</b>	<b>552,350,500</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	1,664,325	1,715,963
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	513,412,670	550,634,537

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
	2015	2016	Năm trước		Năm nay		2015	2016
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000	300,000,000,000	-	-	-	-	300,000,000,000	300,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3,067,491,977	3,067,491,977	-	-	-	-	3,067,491,977	3,067,491,977
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3,067,491,976	3,067,491,976	-	-	-	-	3,067,491,976	3,067,491,976
4. Lợi nhuận chưa phân phối	55,091,461,246	53,786,464,138	-	(1,304,997,108)	-	(1,536,023,055)	53,786,464,138	52,250,441,083
	<b>361,226,445,199</b>	<b>359,921,448,091</b>	<b>-</b>	<b>(1,304,997,108)</b>	<b>-</b>	<b>(1,536,023,055)</b>	<b>359,921,448,091</b>	<b>358,385,425,036</b>

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015277 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/UBCKNN-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 120/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 02 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 337/UBCK-GPĐCCTCK ngày 29 tháng 6 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 23 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 24 người).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

### Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2012 (“Thông tư 210 năm 2012”) và các sửa đổi bổ sung, cụ thể:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 44 Thông tư 210 năm 2012 và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu tổ chức khác, trong đó không được sử dụng quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
- e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- g) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và e Khoản 4 Điều 44 Thông tư 210 năm 2012. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
- c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 44 và Điểm e Khoản 4 Điều 44 Thông tư 210 năm 2012.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 44 Thông tư 210 năm 2012 tối đa trong thời hạn một (01) năm.

### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán cho công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) ngày 27 tháng 12 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC (“Thông tư 95”) ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại cho mục đích so sánh do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Hoạt động chính của Công ty theo giấy phép kinh doanh là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Tuy nhiên, do tình hình thị trường chứng khoán những năm gần đây tại Việt Nam, Công ty gần như không có nguồn thu từ các hoạt động chính. Nguồn thu chủ yếu để duy trì hoạt động của Công ty là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) ngày 27 tháng 12 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### ***Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán***

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố bốn (04) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố sáu (06) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố sáu (06) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố sáu (06) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố bốn (04) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn chế độ kế toán cho công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 334 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 334 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn phục vụ cho hoạt động của Công ty.

#### **Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.



Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

### **Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM khi có các bằng chứng khách quan về sự giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 210.

Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2016</b> <b>(Số năm)</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	6

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

**Ghi nhận doanh thu***Hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đó.

*Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn*

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ.

*Hoạt động tư vấn*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ tư vấn được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đó.

#### *Doanh thu khác*

Doanh thu khác là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

#### **Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Trong năm, Công ty có khoản lỗ tính thuế khoảng 1,5 tỷ VND có thể khấu trừ với lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận tương ứng với số lỗ trên do Công ty không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Tiền mặt	30,000,000	30,000,000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	438,112,030	445,464,655
	<b>468,112,030</b>	<b>475,464,655</b>

## 6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Trong năm nay</b>	
	<b>Khối lượng giao dịch</b>	<b>Giá trị giao dịch (VND)</b>
<b>1. Chứng khoán của nhà đầu tư</b>		
Cổ phiếu	266,057	5,100,614,200
	<b>266,057</b>	<b>5,100,614,200</b>

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính do Thông tư 210 chưa có hướng dẫn về phương pháp đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính. Theo đó, như hướng dẫn tại Thông tư 210, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục ghi nhận tài sản tài chính theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường.

## 7.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>2,587,476,800</b>	<b>2,586,948,800</b>
PMT	2,584,400,000	2,584,400,000
Cổ phiếu khác (*)	3,076,800	2,548,800
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>15,153,150</b>	<b>14,330,700</b>
QNC	2,264,400	2,264,400
VTS	1,944,800	1,944,800
SDP	1,683,300	1,683,300
Cổ phiếu khác (*)	9,260,650	8,438,200
	<b>2,602,629,950</b>	<b>2,601,279,500</b>

## 7.2. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM) phản ánh các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với thời gian đáo hạn không quá 12 tháng.

## 7.3. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	11,609,084,306	10,629,658,802
Phải thu khác	9,060,000	9,060,000
	<b>11,618,144,306</b>	<b>10,638,718,802</b>

## 7.4. Dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Tài sản tài chính	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng đầu năm nay	Mức (trích lập) /hoàn nhập dự phòng trong năm nay
		Giá trị sổ sách kế toán	Giá trị thị trường tại cuối năm nay	Giá trị trích lập dự phòng cuối năm nay		
<b>FVTPL</b>						
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>						
PMT	28,400	2,584,400,000	173,240,000	(2,411,160,000)	(2,362,880,000)	(48,280,000)
Cổ phiếu giảm giá khác (*)	286	3,026,400	208,400	(2,818,000)	(2,735,500)	(82,500)
Cổ phiếu khác không giảm giá (*)	6	50,400	51,600	-	(50,400)	50,400
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>						
QNC	81	2,264,400	388,800	(1,875,600)	(1,810,800)	(64,800)
VTS	52	1,944,800	613,600	(1,331,200)	(1,518,400)	187,200
SDP	93	1,683,300	381,300	(1,302,000)	(1,255,500)	(46,500)
Cổ phiếu giảm giá khác (*)	381	5,547,650	3,359,860	(2,187,790)	(1,269,800)	(917,990)
Cổ phiếu khác không giảm giá (*)	254	3,713,000	7,469,840	-	(62,600)	62,600
	<b>29,553</b>	<b>2,602,629,950</b>	<b>185,713,400</b>	<b>(2,420,674,590)</b>	<b>(2,371,583,000)</b>	<b>(49,091,590)</b>

Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng năm trước				Giá trị lập dự phòng đầu năm trước	Mức (trích lập) /hoàn nhập dự phòng trong năm trước
	Số lượng	Giá trị sổ sách kê toán	Giá trị thị trường tại cuối năm trước	Giá trị trích lập dự phòng cuối năm trước		
<b>FVTPL</b>						
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>						
PMT	28,400	2,584,400,000	221,520,000	(2,362,880,000)	(2,485,000,000)	122,120,000
Cổ phiếu giảm giá khác (*)	252	2,548,800	182,900	(2,365,900)	(2,341,300)	(24,600)
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>						
QNC	81	2,264,400	453,600	(1,810,800)	(1,717,100)	(93,700)
VTS	52	1,944,800	426,400	(1,518,400)	(1,476,800)	(41,600)
SDP	93	1,683,300	427,800	(1,255,500)	(669,600)	(585,900)
Cổ phiếu giảm giá khác (*)	309	4,867,400	3,115,000	(1,752,400)	(1,464,600)	(287,800)
Cổ phiếu khác không giảm giá (*)	267	3,570,800	6,037,300	-	(81,800)	81,800
	<b>29,454</b>	<b>2,601,279,500</b>	<b>232,163,000</b>	<b>(2,371,583,000)</b>	<b>(2,492,751,200)</b>	<b>121,168,200</b>

(\*) Cổ phiếu khác bao gồm các cổ phiếu lô lẻ mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### 8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế thu nhập cá nhân	446,608,563	412,240,324
	<b>446,608,563</b>	<b>412,240,324</b>

#### 9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	652,105,570	664,555,570
Phí dịch vụ tư vấn và kiểm toán	346,104,000	240,900,000
Khác	172,752,383	131,653,935
	<b>1,170,961,953</b>	<b>1,037,109,505</b>

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	65,754,000	4,880,012,002	853,188,500	5,798,954,502
Số dư cuối năm	65,754,000	4,880,012,002	853,188,500	5,798,954,502
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	65,754,000	4,545,989,568	853,188,500	5,464,932,068
Khấu hao trong năm	-	162,725,154	-	162,725,154
Số dư cuối năm	65,754,000	4,708,714,722	853,188,500	5,627,657,222
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	-	<b>334,022,434</b>	-	<b>334,022,434</b>
Tại ngày cuối năm	-	<b>171,297,280</b>	-	<b>171,297,280</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với giá trị là 5.431.888.902 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.538.768.562 VND).

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	3,000,968,383
Số dư cuối năm	<b>3,000,968,383</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	2,851,354,770
Khấu hao trong năm	50,377,819
Số dư cuối năm	<b>2,901,732,589</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<b>149,613,613</b>
Tại ngày cuối năm	<b>99,235,794</b>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với giá trị là 2.825.846.383 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.672.312.188 VND).

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>859,200,786</b>	<b>842,059,324</b>
Chi phí thuê văn phòng	338,100,000	310,471,200
Chi phí bảo hiểm	496,275,425	459,210,617
Các khoản chi phí trả trước khác	24,825,361	72,377,507
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	-	<b>24,483,880</b>
Chi phí mua phần mềm máy tính	-	24,483,880
	<b>859,200,786</b>	<b>866,543,204</b>

## 13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nợ ban đầu	98,961,437	98,961,437
Tiền nợ bổ sung	487,745,638	456,521,118
Tiền lãi phân bổ trong năm	34,600,179	31,075,084
	<b>621,307,254</b>	<b>586,557,639</b>

## 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2015	300,000,000,000	3,067,491,977	3,067,491,976	55,091,461,246	361,226,445,199
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(1,304,997,108)	(1,304,997,108)
Tại ngày 01/01/2016	300,000,000,000	3,067,491,977	3,067,491,976	53,786,464,138	359,921,448,091
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(1,536,023,055)	(1,536,023,055)
Tại ngày 31/12/2016	300,000,000,000	3,067,491,977	3,067,491,976	52,250,441,083	358,385,425,036

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, các công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự trữ điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo tỷ lệ là 5% lợi nhuận sau thuế cho mỗi quỹ đến khi mỗi quỹ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty. Trong năm 2016 và năm 2015, Công ty không trích lập các quỹ này do kết quả hoạt động kinh doanh bị lỗ.

## Vốn điều lệ

Theo Giấy phép điều chỉnh số 337/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy phép điều chỉnh		Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%	VND	%
Morgan Stanley (Singapore) Holdings Pte. Ltd.	147,000,000,000	49	147,000,000,000	49
Bà Tô Minh Hương	60,000,000,000	20	60,000,000,000	20
Công ty TNHH Thanh Ba	93,000,000,000	31	93,000,000,000	31
	<b>300,000,000,000</b>	<b>100</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>100</b>



## 15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	802,233,215	827,999,732
Chi phí hoạt động tự doanh		
- <i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	-	128,693
- <i>Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</i>	49,091,590	(121,168,200)
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1,880,229	1,911,762
Các chi phí khác	20,607,514	28,713,584
	<b>873,812,548</b>	<b>737,585,571</b>

## 16. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	14,508,116,541	14,534,980,961
- <i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	12,693,854,899	12,812,608,581
- <i>BHXH, BHYT, BHTN</i>	1,437,755,016	1,355,243,256
- <i>Chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp</i>	376,506,626	367,129,124
Chi phí văn phòng phẩm	84,635,800	41,424,911
Chi phí khấu hao TSCĐ	213,102,973	353,388,747
Chi phí thuế, phí và lệ phí	11,513,800	23,204,600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,489,156,410	3,421,203,326
Chi phí khác	146,713,356	430,610,893
	<b>19,453,238,880</b>	<b>18,804,813,438</b>

## 17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>(Lỗ) trước thuế</b>	<b>(1,536,023,055)</b>	<b>(1,304,997,108)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ:		
Thu nhập không chịu thuế	230,461	468,255
Chi phí trích trước không được khấu trừ trong năm	240,900,000	144,895,000
Dự phòng trợ cấp thôi việc thực chi trong năm	12,450,000	-
Cộng:		
Các khoản chi phí không được khấu trừ	240,900,000	240,900,000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(1,548,703,516)</b>	<b>(1,209,460,363)</b>
Thuế suất thông thường	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	6,125,791,580	6,125,791,580

## 19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC. Theo đó, một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo TT số 95/2008/TT-BTC		Theo TT số 210/2014/TT-BTC và TT số 334/2016/TT-BTC		Thay đổi
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		<b>BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>		
<b>Tên chi tiêu</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>Tên chi tiêu</b>	<b>31/12/2015</b>	
<b>I. Tài sản</b>		<b>I. Tài sản</b>		
Tiền	1,027,815,155	Tiền	475,464,655	Phân loại lại
Đầu tư ngắn hạn	350,368,704,500	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	2,601,279,500	Phân loại lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	347,767,425,000	Phân loại lại
Các khoản phải thu khác	10,638,718,802	Các khoản phải thu khác	9,060,000	Phân loại lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	10,629,658,802	Phân loại lại
Tài sản ngắn hạn khác	388,089,000	Tài sản ngắn hạn khác	154,821,285	Phân loại lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	388,089,000	Phân loại lại
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154,821,285	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	Phân loại lại
Tài sản dài hạn khác	7,135,280	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	7,135,280	Phân loại lại
<b>II. Nợ phải trả và nguồn vốn</b>		<b>II. Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>		
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	748,049,500	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	227,289,492	Phân loại lại
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31,590,492	<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		Phân loại lại
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6,134,983,953	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	Phân loại lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		Quỹ dự trữ bổ sung điều lệ	3,067,491,977	Phân loại lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3,067,491,976	Phân loại lại

## 19. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Theo TT số 95/2008/TT-BTC		Theo TT số 210/2014/TT-BTC và TT số 334/2016/TT-BTC		Thay đổi
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		
<b>Tên chi tiêu</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Tên chi tiêu</b>	<b>Năm trước</b>	
Doanh thu khác	18,232,782,141	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	18,193,103,552	Phân loại lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	39,678,589	Phân loại lại
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	535,055	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	66,800	Phân loại lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	468,255	Phân loại lại
Chi phí hoạt động kinh doanh	737,585,571	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	128,693	Phân loại lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng tài sản tài chính	(121,168,200)	Phân loại lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	827,999,732	Phân loại lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1,911,762	Phân loại lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		Chi phí các dịch vụ khác	28,713,584	Phân loại lại

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



The image shows a red circular stamp and a blue ink signature. The stamp contains the following text: "S.G.P: 120 - C.T.C.P" at the top, "CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT" in the center, and "TỔNG GIÁM ĐỐC TÔ MINH HƯƠNG" at the bottom. The signature is written in blue ink over the stamp.